TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HS - ST
Ngày 12/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Ma Ngọc Vũ;

2/ Bà Đoàn Thị Nhâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên toà: Ông Trần Đức Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2023/TLST - HS ngày 09 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H; Tên gọi khác: Không; 03 tháng 02 năm 1971, tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Tổ 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Chỗ ở hiện nay: Tổ 8A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Cán bộ, kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn Gi (Đã chết) và bà: Hoàng Thị V; có chồng là Hà Văn T, sinh năm 1968 (Đã ly hôn, đã chết); con: Có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

****Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:***

1/ Anh **Lê Văn Ng**, sinh năm 1989.

Nghề nghiệp: Kinh doanh.

Trú tại: Tổ 11A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

2/ Ông **Khuất Thanh L**, sinh năm 1954.

Nghề nghiệp: Kinh doanh.

Trú tại: Tổ 9A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

3/ Bà **Hoàng Thị Th**, sinh năm 1973

Nghề nghiệp: Kinh doanh.

Trú tại: Tổ 13, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Những người làm chứng*:**

1/ Ông **Hà Lưu T**, sinh năm 1981. Có mặt.

Trú tại: Xã Qu, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2/ Ông **Bàn Văn B**, sinh năm 1974. Có mặt.

Trú tại: Xã Qu, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

3/ Ông **Lưu Kế H**, sinh năm 1961. Có mặt.

Trú tại: Xã Qu, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

4/ Chị **Lý Thị M**, sinh năm 1989.

Trú tại: Xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5/ Ông **Đỗ Ngọc Tr**, sinh năm 1969. Có mặt.

Trú tại: Thôn P, Xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

6/ Bà **Trần Thị H,** sinh năm 1976. Có mặt.

Trú tại: Thôn N, Xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

7/ Bà **Vũ Thị H**, sinh năm 1977.

Trú tại: Tổ 1B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

8/ Bà **Đinh Thị S**, sinh năm 1962. Có mặt.

Trú tại: Thôn Ng, Xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

9/ Ông **Thân Văn Đ**, sinh năm 1977. Có mặt.

Trú tại: Thôn Kh, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

10/ Ông **Nguyễn Hữu T,** sinh năm 1969.

Trú tại: Thôn Kh, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt, không có lý do.

11/ Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1982

Trú tại: Tổ 8A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt, không có lý do.

12/ Ông **Dương Thành L**, sinh năm 1984.

Trú tại: Xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hộ kinh doanh Nguyễn Thị H, MST: 4700150304; địa chỉ: Tổ 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (nay là Tổ 8A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn). Đại diện Hộ kinh doanh là Nguyễn Thị H, sinh năm 1971, nơi ĐKHKTT: Tổ 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (nay là Tổ 8A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn). Ngành nghề kinh doanh: Mua bán hàng tạp hóa, bỉm, sữa mẹ và bé; dịch vụ nhân công xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi...; in lưới, photocopy.... Mọi hoạt động quản lý, điều hành của hộ kinh doanh Nguyễn Thị H do Nguyễn Thị H thực hiện.

Từ năm 2016 đến năm 2020, Hộ kinh doanh Nguyễn Thị H đã bán trái phép tổng cộng 24 (hai mươi tư) hóa đơn bán hàng (mẫu số: 02GTTT3/003) đã ghi nội dung cho các cá nhân, công ty để quyết toán các công trình trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Nội dung diễn biến việc mua bán trái phép hóa đơn (mẫu số: 02GTTT3/003) như sau:

1. Từ năm 2016 đến năm 2018, Nguyễn Thị H đã bán 07 (bảy) hóa đơn bán hàng (mẫu số: 02GTTT3/003) đã ghi nội dung của hộ kinh doanh Nguyễn Thị H cho Lê Văn Ng, sinh năm 1989, trú tại tổ 11A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn để thu lợi bất chính tổng số tiền là: 37.947.290 đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi đồng), cụ thể:

Đối với hóa đơn số 0085748 (ngày 08/7/2016), tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 286.761.897 đồng: Năm 2016, Ban phát triển Thôn Kh, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn được giao thi công công trình mở rộng, nâng cấp đường Kh, xã C, huyện B do UBND xã C, huyện B làm chủ đầu tư. Do Ban phát triển Thôn Kh không có kinh nghiệm về xây dựng và làm các thủ tục thanh quyết toán các công trình nên UBND xã C đã giới thiệu ông Lê Văn Ng hỗ trợ Ban phát triển Thôn Kh trong quá trình xây dựng, cung cấp nguyên vật liệu và làm thủ tục quyết toán. Để hợp thức hóa đối với số nguyên vật liệu đã mua để thi công công trình, Lê Văn Ng đã trao đổi và thống nhất với Nguyễn Thị H về việc mua hóa đơn của hộ kinh doanh Nguyễn Thị H với giá 7% tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn. Sau đó, Lê Văn Ng đã tự lập Hợp đồng kinh tế số 32/HĐKT ngày 08/6/2016 về việc mua vật liệu thi công công trình: Mở rộng nâng cấp đường Thôn Kh, xã C; Hạng mục bê tông mặt giữa hộ kinh doanh Nguyễn Thị H và Ban phát triển Thôn Kh rồi đưa cho Nguyễn Thị H và đại diện Ban phát triển Thôn Kh ký. Khi làm thủ tục thanh quyết toán công trình thì Lê Văn Ng đến hộ kinh doanh Nguyễn Thị H để mua hóa đơn. Tại đây, Lê Văn Ng viết nội dung trên hóa đơn rồi đưa cho Nguyễn Thị H ký vào phần người bán hàng. Sau đó, Ngân đưa hóa đơn số 0085748 (ngày 08/7/2016) cho kế toán xã C làm thủ tục rút tiền, sau khi Ngân nhận được tiền thì đã đưa cho Nguyễn Thị H số tiền là 286.761.897 x 7% = 20.073.332 đồng, số tiền còn

lại Ngân đã sử dụng để thanh quyết toán tiền mua nguyên vật liệu. Đối với số tiền 20.073.332 đồng Nguyễn Thị H thu được từ việc bán hóa đơn số 0085748 (ngày 08/7/2016) cho Lê Văn Ng thì Nguyễn Thị H đã kê khai và nộp thuế với tổng số tiền là 4.301.428 đồng, số tiền còn lại là 15.771.904 đồng H sử dụng chi tiêu cá nhân.

Đối với hóa đơn số 0041035 (ngày 16/01/2017), tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 43.995.813 đồng và hóa đơn số 0041038 (ngày 23/01/2017), tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 146.039.342 đồng: Năm 2016, Ban phát triển Thôn P, Xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn được giao thi công công trình Đổ bê tông đường nội thôn, Thôn P, Xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn do UBND Xã Ng, huyện B làm chủ đầu tư. Do Ban phát triển Thôn P không có kinh nghiệm về xây dựng và làm các thủ tục thanh quyết toán các công trình nên UBND Xã Ng đã giới thiệu ông Lê Văn Ng hỗ trợ Ban phát triển Thôn P trong quá trình xây dựng, cung cấp nguyên vật liệu và làm thủ tục quyết toán. Để hợp thức hóa đối với số nguyên vật liệu đã mua để thi công công trình, Lê Văn Ng đã trao đổi và thống nhất với Nguyễn Thị H về việc mua hóa đơn của hộ kinh doanh Nguyễn Thị H với giá 7% tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn. Sau đó, Lê Văn Ng đã tự lập Hợp đồng kinh tế số 17/HĐKT ngày 03/12/2016 về việc thi công công trình: Đổ bê tông đường nội thôn, Thôn P, Xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và hợp đồng kinh tế số 18/HĐKT ngày 06/12/2016 về việc thi công công trình: Đổ bê tông đường nội thôn, Thôn P, Xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giữa hộ kinh doanh Nguyễn Thị H và Ban phát triển Thôn P rồi đưa cho Nguyễn Thị H và đại diện Ban phát triển Thôn P ký. Khi làm thủ thục thanh quyết toán công trình, Lê Văn Ng đến hộ kinh doanh Nguyễn Thị H để mua hóa đơn. Tại đây Lê Văn Ng viết nội dung trên hóa đơn rồi đưa cho Nguyễn Thị H ký vào phần người bán hàng. Sau đó, Ngân đưa hóa đơn số 0041035 (ngày 16/01/2017) và hóa đơn số 0041038 (ngày 23/01/2017) cho kế toán Xã Ng làm thủ tục rút tiền. Sau khi Ngân nhận được tiền thì đã đưa cho Nguyễn Thị H số tiền là (43.995.813 + 146.039.342) x 7% = 13.302.460 đồng, số tiền còn lại Ngân đã sử dụng để thanh quyết toán tiền mua nguyên vật liệu. Đối với số tiền 13.302.460 đồng Nguyễn Thị H thu được từ việc bán hóa đơn số 0041035 (ngày 16/01/2017) và hóa đơn số 0041038 (ngày 23/01/2017) cho Lê Văn Ng thì Nguyễn Thị H đã kê khai và nộp thuế với tổng số tiền là 8.551.580 đồng, số tiền còn lại là 4.750.880 đồng H sử dụng vào chi tiêu cá nhân.

Đối với hóa đơn số 0014397 (ngày 29/10/2017), tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 119.963.083 đồng: Năm 2017, Ban phát triển Thôn N, Xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn được giao thi công công trình Đường giao thông trục Thôn N, Xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn do UBND Xã Ng, huyện B làm chủ đầu tư. Do Ban phát triển Thôn N không có kinh nghiệm về xây dựng và làm các thủ tục thanh quyết toán các công trình nên UBND Xã Ng đã giới thiệu ông Lê Văn Ng hỗ trợ Ban phát triển Thôn N trong quá trình xây dựng, cung cấp nguyên vật liệu và làm thủ tục quyết toán. Để hợp thức hóa đối với số nguyên vật liệu đã mua để thi công công trình, Lê Văn Ng đã trao đổi và thống nhất với Nguyễn Thị H về việc mua hóa đơn của hộ kinh doanh Nguyễn Thị H với giá 7% tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn. Sau đó, Lê Văn Ng đã tự lập Hợp đồng kinh tế số số

13/HĐKT ngày 08/7/2017 về việc cung cấp vật liệu thi công công trình: Đường giao thông trục Thôn N, Xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giữa hộ kinh doanh Nguyễn Thị H và Ban phát triển Thôn N rồi đưa cho Nguyễn Thị H và đại diện Ban phát triển Thôn N ký. Khi làm thủ thục thanh quyết toán công trình, Lê Văn Ng đến hộ kinh doanh Nguyễn Thị H để mua hóa đơn. Tại đây, Lê Văn Ng viết nội dung trên hóa đơn rồi đưa cho Nguyễn Thị H ký vào phần người bán hàng. Sau đó, Ng đưa hóa đơn số 0014397 (ngày 29/10/2017) cho kế toán Xã Ng làm thủ tục rút tiền, sau khi Ngân nhận được tiền thì đã đưa cho Nguyễn Thị H số tiền là 119.963.083 x 7% = 8.397.415 đồng, số tiền còn lại Ngân đã sử dụng để thanh quyết toán tiền mua nguyên vật liệu. Đối với số tiền 8.397.415 đồng Nguyễn Thị H thu được từ việc bán hóa đơn số 0014397 (ngày 29/10/2017) cho Lê Văn Ng thì Nguyễn Thị H đã kê khai và nộp thuế với tổng số tiền là 1.799.446 đồng, số tiền còn lại là 6.597.969 đồng H sử dụng vào chi tiêu cá nhân.

Đối với hóa đơn số 0088090 (ngày 19/12/2017), tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 76.501.257 đồng và hóa đơn số 0088091 (ngày 23/12/2017), tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 53.698.522 đồng: Năm 2017, Ban phát triển thôn N, Xã Qu, huyện B, tỉnh Bắc Kạn được giao thi công công trình Đường liên thôn từ trung tâm thôn N đến trung tâm thôn N1, Xã Qu, huyện B do UBND Xã Qu, huyện B làm chủ đầu tư. Do Ban phát triển thôn N không có kinh nghiệm về xây dựng và làm các thủ tục thanh quyết toán các công trình nên UBND Xã Qu đã giới thiệu ông Lê Văn Ng hỗ trợ Ban phát triển thôn N trong quá trình xây dựng, cung cấp nguyên vật liệu và làm thủ tục quyết toán. Để hợp thức hóa đối với số nguyên vật liệu đã mua để thi công công trình, Lê Văn Ng đã trao đổi và thống nhất với Nguyễn Thị H về việc mua hóa đơn của hộ kinh doanh Nguyễn Thị H với giá 7% tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn. Sau đó, Lê Văn Ng đã tự lập Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT ngày 09/11/2017 về việc cung cấp vật liệu thi công công trình: Đường liên thôn từ trung tâm thôn N đến trung tâm thôn N1 (Đoạn 2), Xã Qu, huyện B và hợp đồng kinh tế số 16/HĐKT ngày 16/11/2017 về việc cung cấp vật liệu thi công công trình: Đường liên thôn từ trung tâm thôn N đến trung tâm thôn N1, Xã Qu, huyện B giữa Hộ kinh doanh Nguyễn Thị H và Ban phát triển thôn N rồi đưa cho Nguyễn Thị H và đại diện Ban phát triển thôn N ký. Khi làm thủ thục thanh quyết toán công trình, Lê Văn Ng đến hộ kinh doanh Nguyễn Thị H để mua hóa đơn. Tại đây Lê Văn Ng viết nội dung trên hóa đơn rồi đưa cho Nguyễn Thị H ký vào phần người bán hàng. Sau đó, Ng đưa hóa đơn số 0088090 (ngày 19/12/2017) và hóa đơn số 0088091 (ngày 23/12/2017) cho kế toán Xã Qu làm thủ tục rút tiền, sau khi Ngân nhận được tiền thì đã đưa cho Nguyễn Thị H số tiền là (76.501.257 + 53.698.522) x 7% = 9.113.984 đồng, số tiền còn lại Ng đã sử dụng để thanh quyết toán tiền mua nguyên vật liệu. Đối với số tiền 9.113.984 đồng Nguyễn Thị H thu được từ việc bán hóa đơn số 0088090 (ngày 19/12/2017) và hóa đơn số 0088091 (ngày 23/12/2017) cho Lê Văn Ng thì Nguyễn Thị H đã kê khai và nộp thuế với tổng số tiền là 1.952.997 đồng, số tiền còn lại là 7.160.987 đồng Huệ sử dụng vào chi tiêu cá nhân.

Đối với hóa đơn số 0088089 (ngày 22/3/2018), tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 66.646.374 đồng: Năm 2017, Ban phát triển Thôn Kh, xã C,

huyện B, tỉnh Bắc Kạn được giao thi công công trình Đường sang nhà văn hóa Thôn Kh, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn do UBND xã C, huyện B làm chủ đầu tư. Do Ban phát triển Thôn Kh không có kinh nghiệm về xây dựng và làm các thủ tục thanh quyết toán các công trình nên UBND xã C đã giới thiệu ông Lê Văn Ng hỗ trợ Ban phát triển Thôn Kh trong quá trình xây dựng, cung cấp nguyên vật liệu và làm thủ tục quyết toán. Để hợp thức hóa đối với số nguyên vật liệu đã mua để thi công công trình, Lê Văn Ng đã trao đổi và thống nhất với Nguyễn Thị H về việc mua hóa đơn của hộ kinh doanh Nguyễn Thị H với giá 7% tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn. Sau đó, Lê Văn Ng đã tự lập Hợp đồng kinh tế số 12/HĐKT ngày 14/11/2017 về việc cung cấp vật liệu thi công công trình: Đường sang nhà văn hóa Thôn Kh, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giữa hộ kinh doanh Nguyễn Thị H và Ban phát triển Thôn Kh rồi đưa cho Nguyễn Thị H và đại diện Ban phát triển Thôn Kh ký. Khi làm thủ thục thanh quyết toán công trình, Lê Văn Ng đến hộ kinh doanh Nguyễn Thị H để mua hóa đơn. Tại đây, Lê Văn Ng viết nội dung trên hóa đơn rồi đưa cho Nguyễn Thị H ký vào phần người bán hàng. Sau đó, Ngân đưa hóa đơn số 0088089 (ngày 22/3/2018) cho kế toán xã C làm thủ tục rút tiền, sau khi Ngân nhận được tiền thì đã đưa cho Nguyễn Thị H số tiền là 66.646.374 x 7% = 4.665.246 đồng, số tiền còn lại Ngân đã sử dụng để thanh quyết toán tiền mua nguyên vật liệu. Đối với số tiền 4.665.246 đồng Nguyễn Thị H thu được từ việc bán hóa đơn số 0088089 (ngày 22/3/2018) cho Lê Văn Ng thì Nguyễn Thị H đã kê khai và nộp thuế với tổng số tiền là 999.696 đồng, số tiền còn lại là 3.665.550 đồng Huệ sử dụng vào chi tiêu cá nhân.

2. Trong năm 2016 và năm 2017, Nguyễn Thị H đã bán trái phép 12 (mười hai) số hóa đơn bán hàng (mẫu số: 02GTTT3/003) đã ghi nội dung của hộ kinh doanh Nguyễn Thị H cho Công ty TNHH Hoàng Phđể thu lợi bất chính tổng số tiền là 20.460.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), cụ thể:

Công ty TNHH Hoàng Phát, MST: 4700162860; địa chỉ: Tổ 13, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn do ông Lê Văn Ng, sinh năm 1989; trú tại tổ 11A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn là Giám đốc - người đại diện theo pháp luật. Trong năm 2016 và năm 2017, Công ty TNHH Hoàng Ph nhận được một số công trình tại địa bàn huyện B và huyện Ba Bể tỉnh Bắc Kạn. Để thi công các công trình này Lê Văn Ng liên hệ thuê các nhóm nhân công ở địa phương để thực hiện. Do các nhóm nhân công này không cung cấp được hóa đơn nhân công để Công ty TNHH Hoàng Ph thực hiện việc thanh quyết toán với chủ đầu tư nên Lê Văn Ng đã trao đổi với Nguyễn Thị H về việc mua hóa đơn của hộ kinh doanh Nguyễn Thị H với giá 7,5% tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn và được Nguyễn Thị H đồng ý. Sau đó, Lê Văn Ng đã tự lập các Hợp đồng kinh tế về việc thuê nhân công thi công công trình giữa Công ty TNHH Hoàng Ph và hộ kinh doanh Nguyễn Thị H rồi Lê Văn Ng và Nguyễn Thị H cùng ký vào các hợp đồng kinh tế này. Khi làm thủ tục thanh quyết toán thì Lê Văn Ng đến trụ sở hộ kinh doanh Nguyễn Thị H để mua hóa đơn. Sau đó, Ngân sử dụng các hóa đơn này để làm thủ tục thanh quyết toán. Khi Công ty TNHH Hoàng Ph được Chủ đầu tư thanh toán tiền thi công công trình thì Lê Văn Ng chuyển khoản toàn bộ số tiền ghi trên các hóa đơn đã mua cho Nguyễn Thị H từ số tài khoản của Công ty TNHH Hoàng Ph là 8600201006057 tại

Ngân hàng Agribank chi nhánh Bắc Kạn đến số tài khoản của Nguyễn Thị H là 39510000001667 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh tỉnh Bắc Kạn. Theo như thỏa thuận trước đó, Nguyễn Thị H tính toán giữ lại 7,5% tổng số tiền Lê Văn Ng chuyển khoản, số còn lại Nguyễn Thị H đến ngân hàng rút tiền mặt rồi đưa lại cho Lê Văn Ng. Cụ thể đối với từng hóa đơn như sau:

Đối với hóa đơn số 0012240 ngày 18/11/2016: Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 185.000.000 đồng. Lê Văn Ng chuyển khoản cho Nguyễn Thị H số tiền là 185.000.000 đồng. Nguyễn Thị H thu 7,5% x 185.000.000 = 13.875.000 đồng. Số tiền còn lại là 171.125.000 đồng H rút tiền mặt đưa trả cho Ng. Đối với hóa đơn này H đã kê khai và nộp thuế số tiền 8.325.000 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn này là: 5.550.000 đồng.

Đối với hóa đơn số 0014355 ngày 19/06/2017: Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 49.500.000 đồng. Lê Văn Ng chuyển khoản cho Nguyễn Thị H số tiền là 49.500.000 đồng. Nguyễn Thị H thu 7,5% x 49.500.000 = 3.712.500 đồng. Số tiền còn lại là 45.787.500 đồng H rút tiền mặt đưa trả cho Ng. Đối với hóa đơn này H đã kê khai và nộp thuế số tiền 2.227.500 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn này là: 1.485.000 đồng.

Đối với hóa đơn số 0014369 ngày 07/07/2017: Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 23.000.000 đồng. Lê Văn Ng chuyển khoản cho Nguyễn Thị H số tiền là 23.000.000 đồng. Nguyễn Thị H thu 7,5% x 23.000.000 = 1.725.000 đồng. Số tiền còn lại là 21.275.000 đồng H rút tiền mặt đưa trả cho Ng. Đối với hóa đơn này H đã kê khai và nộp thuế số tiền 1.035.000 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn này là: 690.000 đồng.

Đối với hóa đơn số 0014370 ngày 07/07/2017: Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 30.000.000 đồng. Lê Văn Ng chuyển khoản cho Nguyễn Thị H số tiền là 30.000.000 đồng. Nguyễn Thị H thu 7,5% x 30.000.000 = 2.250.000 đồng. Số tiền còn lại là 27.750.000 đồng H rút tiền mặt đưa trả cho Ng. Đối với hóa đơn này H đã kê khai và nộp thuế số tiền 1.350.000 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn này là: 900.000 đồng.

Đối với hóa đơn số 0014393 ngày 11/10/2017: Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 35.000.000 đồng. Lê Văn Ng chuyển khoản cho Nguyễn Thị H số tiền là 35.000.000 đồng. Nguyễn Thị H thu 7,5% x 35.000.000 = 2.625.000 đồng. Số tiền còn lại là 32.375.000 đồng H rút tiền mặt đưa trả cho Ng. Đối với hóa đơn này H đã kê khai và nộp thuế số tiền 1.575.000 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn này là: 1.050.000 đồng.

Đối với hóa đơn số 0014394 ngày 12/10/2017: Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 24.000.000 đồng. Lê Văn Ng chuyển khoản cho Nguyễn Thị H số tiền là 24.000.000 đồng. Nguyễn Thị H thu 7,5% x 24.000.000 = 1.800.000 đồng. Số tiền còn lại là 22.200.000 đồng H rút tiền mặt đưa trả cho Ng. Đối với hóa đơn này H đã kê khai và nộp thuế số tiền 1.080.000 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn này là: 720.000 đồng.

Đối với hóa đơn số 0081368 ngày 12/12/2017: Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 32.000.000 đồng. Lê Văn Ng chuyển khoản cho Nguyễn Thị H số tiền là 32.000.000 đồng. Nguyễn Thị H thu 7,5% x 32.000.000 = 2.400.000 đồng. Số tiền còn lại là 29.600.000 đồng H rút tiền mặt đưa trả cho Ng. Đối với hóa đơn này H đã kê khai và nộp thuế số tiền 1.440.000 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn này là: 960.000 đồng.

Đối với hóa đơn số 0081369 ngày 12/12/2017: Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 27.000.000 đồng. Lê Văn Ng chuyển khoản cho Nguyễn Thị H số tiền là 27.000.000 đồng. Nguyễn Thị H thu 7,5% x 27.000.000 = 2.025.000 đồng. Số tiền còn lại là 24.975.000 đồng H rút tiền mặt đưa trả cho Ng. Đối với hóa đơn này H đã kê khai và nộp thuế số tiền 1.215.000 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn này là: 810.000 đồng.

Đối với hóa đơn số 0081370 ngày 13/12/2017: Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 149.000.000 đồng. Lê Văn Ng chuyển khoản cho Nguyễn Thị H số tiền là 149.000.000 đồng. Nguyễn Thị H thu 7,5% x 149.000.000 = 11.175.000 đồng. Số tiền còn lại là 137.825.000 đồng H rút tiền mặt đưa trả cho Ng. Đối với hóa đơn này H đã kê khai và nộp thuế số tiền 6.705.000 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn này là: 4.470.000 đồng.

Đối với hóa đơn số 0081383 ngày 25/12/2017: Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 30.000.000 đồng. Lê Văn Ng chuyển khoản cho Nguyễn Thị H số tiền là 30.000.000 đồng. Nguyễn Thị H thu 7,5% x 30.000.000 = 2.250.000 đồng. Số tiền còn lại là 27.750.000 đồng H rút tiền mặt đưa trả cho Ng. Đối với hóa đơn này H đã kê khai và nộp thuế số tiền 1.350.000 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn này là: 900.000 đồng.

Đối với hóa đơn số 0081384 ngày 25/12/2017: Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 29.500.000 đồng. Lê Văn Ng chuyển khoản cho Nguyễn Thị H số tiền là 29.500.000 đồng. Nguyễn Thị H thu 7,5% x 29.500.000 = 2.212.500 đồng. Số tiền còn lại là 27.287.500 đồng H rút tiền mặt đưa trả cho Ng. Đối với hóa đơn này H đã kê khai và nộp thuế số tiền 1.327.500 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn này là: 885.000 đồng.

Đối với hóa đơn số 0081400 ngày 26/12/2017: Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 68.000.000 đồng. Lê Văn Ng chuyển khoản cho Nguyễn Thị H số tiền là 68.000.000 đồng. Nguyễn Thị H thu 7,5% x 68.000.000 = 5.100.000 đồng. Số tiền còn lại là 62.900.000 đồng H rút tiền mặt đưa trả cho Ng. Đối với hóa đơn này H đã kê khai và nộp thuế số tiền 3.060.000 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn này là: 2.040.000 đồng.

3. Trong năm 2019, Nguyễn Thị H đã bán trái phép 03 (ba) số hóa đơn bán hàng (mẫu số: 02GTTT3/003) đã ghi nội dung của hộ kinh doanh Nguyễn Thị H cho Công ty Cổ phần Thành H để thu lợi bất chính tổng số tiền là 3.712.500 đồng (Ba triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng), cụ thể:

Công ty Cổ phần Thành H, MST: 4700150784; địa chỉ: Tổ 9B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn do ông Khuất Thanh L, sinh năm 1954 là Giám đốc -

người đại diện theo pháp luật. Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Thành H nhận được các công trình: Mở đường vào khu kinh tế C (Đoạn 2), xã Qu, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; mở đường liên thôn Nà Ngòa (Đoạn 2) xã Qu, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và Xây dựng hệ thống thủy lợi thôn N2, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Để thi công các công trình trên Khuất Thanh L liên hệ thuê các nhóm nhân công ở địa phương để thực hiện. Do các nhóm nhân công này không cung cấp được hóa đơn nhân công để Công ty Cổ phần Thành H thực hiện việc thanh quyết toán với chủ đầu tư nên Khuất Thanh L đã trao đổi với Nguyễn Thị H về việc mua hóa đơn của hộ kinh doanh Nguyễn Thị H với giá 7% tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn và được Nguyễn Thị H đồng ý. Sau đó, Khuất Thanh L đã tự lập các Hợp đồng kinh tế về việc thuê nhân công thi công công trình giữa Công ty Cổ phần Thành H và hộ kinh doanh Nguyễn Thị H rồi Khuất Thanh L và Nguyễn Thị H cùng ký vào các hợp đồng kinh tế này. Khi làm thủ tục thanh quyết toán thì Khuất Thanh L đến trụ sở hộ kinh doanh Nguyễn Thị H để mua hóa đơn. Sau đó, Khuất Thanh L sử dụng các hóa đơn này để làm thủ tục thanh quyết toán. Khi Công ty Cổ phần Thành H được Chủ đầu tư thanh toán tiền thi công công trình thì Khuất Thanh L chuyển khoản toàn bộ số tiền ghi trên các hóa đơn đã mua cho Nguyễn Thị H từ số tài khoản của Công ty Cổ phần Thành H là 39510000008774 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh tỉnh Bắc Kạn đến số tài khoản của Nguyễn Thị H là 39510000001667 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh tỉnh Bắc Kạn. Theo như thỏa thuận trước đó, Nguyễn Thị H tính toán giữ lại 7% số tiền Khuất Thanh L chuyển khoản, số còn lại Nguyễn Thị H đến ngân hàng rút tiền mặt rồi đưa lại cho Khuất Thanh L. Cụ thể đối với từng hóa đơn như sau:

Đối với hóa đơn số 0068041 ngày 02/5/2019: Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 42.500.000 đồng. Khuất Thanh L chuyển khoản cho Nguyễn Thị H số tiền là 42.500.000 đồng. Nguyễn Thị H thu 7% x 42.500.000 = 2.975.000 đồng. Số tiền còn lại là 39.525.000 đồng H rút tiền mặt đưa trả cho L. Đối với hóa đơn này H đã kê khai và nộp thuế số tiền 1.012.500 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn này là: 1.062.500 đồng.

Đối với hóa đơn số 0068042 ngày 04/5/2019: Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 37.000.000 đồng. Khuất Thanh L chuyển khoản cho Nguyễn Thị H số tiền là 37.000.000 đồng. Nguyễn Thị H thu 7% x 37.000.000 = 2.590.000 đồng. Số tiền còn lại là 34.410.000 đồng H rút tiền mặt đưa trả cho L. Đối với hóa đơn này H đã kê khai và nộp thuế số tiền 1.665.000 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn này là: 925.000 đồng.

Đối với hóa đơn GTGT số 0015403 ngày 03/6/2019: Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 69.000.000 đồng. Khuất Thanh L chuyển khoản cho Nguyễn Thị H số tiền là 69.000.000 đồng. Nguyễn Thị H thu 7% x 69.000.000 = 4.830.000 đồng. Số tiền còn lại là 64.170.000 đồng H rút tiền mặt đưa trả cho L. Đối với hóa đơn này H đã kê khai và nộp thuế số tiền 3.105.000 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn này là: 1.725.000 đồng.

4. Trong năm 2020, Nguyễn Thị H đã bán trái phép 02 (hai) số hóa đơn bán hàng (mẫu số: 02GTTT3/003) đã ghi nội dung của hộ kinh doanh Nguyễn Thị H

cho Công ty TNHH MTV Phương L để thu lợi bất chính tổng số tiền là 4.987.500 đồng (Bốn triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng), cụ thể:

Công ty TNHH MTV Phương L, MST: 4700192268; địa chỉ: Tổ 11C, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn do bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1973 là Giám đốc - người đại diện theo pháp luật. Trong năm 2020, Công ty TNHH MTV Phương L nhận được các công trình: Nâng cấp đường lên nghĩa trang liệt sĩ Bắc Kạn; thị trấn Ph, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và Trường Mầm non T, huyện B. Hạng mục: Kè đá, sân cổng, tường rào, nhà bảo vệ, rãnh thoát nước và hạng mục phụ trợ. Để thi công các công trình trên ông Hà Sỹ V - Cán bộ kỹ thuật của Công ty TNHH MTV Phương L liên hệ thuê các nhóm nhân công ở địa phương để thực hiện. Do các nhóm nhân công này không cung cấp được hóa đơn nhân công để Công ty TNHH MTV Phương L thực hiện việc thanh quyết toán với chủ đầu tư nên Hoàng Thị Th đã trao đổi với Nguyễn Thị H về việc mua hóa đơn của hộ kinh doanh Nguyễn Thị H với giá 7% tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn và được Nguyễn Thị H đồng ý. Sau đó, Hoàng Thị Th chỉ đạo cán bộ công ty lập các Hợp đồng kinh tế về việc thuê nhân công thi công công trình giữa Công ty TNHH MTV Phương L và hộ kinh doanh Nguyễn Thị H rồi Hoàng Thị Th và Nguyễn Thị H cùng ký vào các hợp đồng kinh tế này. Khi làm thủ thục thanh quyết toán thì Hoàng Thị Th trao đổi, đề nghị Nguyễn Thị H viết hóa đơn rồi Hoàng Thị Th sử dụng các hóa đơn này để làm thủ tục thanh quyết toán. Khi Công ty TNHH MTV Phương L được Chủ đầu tư thanh toán tiền thi công công trình thì Hoàng Thị Th chuyển khoản toàn bộ số tiền ghi trên các hóa đơn đã mua cho Nguyễn Thị H từ số tài khoản của Công ty TNHH MTV Phương L là 113000101766 tại Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn đến số tài khoản của Nguyễn Thị H là 39510000001667 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh tỉnh Bắc Kạn. Theo như thỏa thuận trước đó, Nguyễn Thị H tính toán giữ lại 7% số tiền Hoàng Thị Th chuyển khoản, số còn lại Nguyễn Thị H đến ngân hàng rút tiền mặt rồi đưa lại cho Hoàng Thị Th. Cụ thể đối với từng hóa đơn như sau:

Đối với hóa đơn số 0014874 ngày 25/5/2020: Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 13.500.000 đồng. Hoàng Thị Th chuyển khoản cho Nguyễn Thị H số tiền là 13.500.000 đồng. Nguyễn Thị H thu 7% x 13.500.000 = 945.000 đồng. Số tiền còn lại là 12.555.000 đồng H rút tiền mặt đưa trả cho Th. Đối với hóa đơn này H đã kê khai và nộp thuế số tiền 607.500 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn này là: 337.500 đồng.

Đối với hóa đơn số 0014876 ngày 25/5/2020: Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 186.000.000 đồng. Hoàng Thị Th chuyển khoản cho Nguyễn Thị H số tiền là 186.000.000 đồng. Nguyễn Thị H thu 7% x 186.000.000 = 13.020.000 đồng. Số tiền còn lại là 172.980.000 đồng Huệ rút tiền mặt đưa trả cho Thoan. Đối với hóa đơn này Huệ đã kê khai và nộp thuế số tiền 8.370.000 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn này là: 4.650.000 đồng.

Ngày 18/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị H. Tại Bản kết luận giám định số 30 ngày 10/01/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bắc

Kạn kết luận: "Chữ ký không đọc được dưới mục "Người bán hàng"; "ĐẠI DIỆN BÊN B CHỦ CƠ SỞ", "ĐẠI DIỆN BÊN B", "ĐẠI DIỆN BÊN B chủ cơ sở", "ĐẠI DIỆN BÊN A CHỦ CƠ SỞ", "ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ BÁO CÁO" và chữ viết "Nguyễn Thị H" dưới mục "Người bán hàng" trên các mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị H trên mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra".

Ngày 16/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tiến hành trưng cầu giám định Cục thuế tỉnh Bắc Kạn giám định việc thực hiện nghĩa vụ thuế của Công ty TNHH Hoàng Ph, Công ty Cổ phần Thành H, Công ty TNHH MTV Phương L. Tại Bản kết luận Giám định ngày 27/3/2023 của Cục thuế tỉnh Bắc Kạn xác định:

"- Công ty TNHH Hoàng Ph đã sử dụng 12 hóa đơn bán hàng không có hàng hóa, dịch vụ thực tế kèm theo của hộ kinh doanh Nguyễn Thị H kê khai vào chi phí hợp lý để xác định thuế TNDN phải nộp năm 2016, 2017 nhằm giảm số thuế TNDN phải nộp. Tổng số tiền trên 12 hóa đơn bán hàng trên không đủ điều kiện tính vào chi phí được trừ để xác định thuế TNDN là 682.000.000 đồng. Số tiền thuế TNDN phải nộp tăng thêm: 136.400.000 đồng. Trong đó: Năm 2016: 24.460.000 đồng. Năm 2017: 111.940.000 đồng.

- Công ty Cổ phần Thành H đã sử dụng 03 hóa đơn bán hàng không có hàng hóa, dịch vụ thực tế kèm theo của hộ kinh doanh Nguyễn Thị H kê khai vào các chi phí hợp lý để xác định thuế TNDN phải nộp năm 2019 nhằm làm giảm số thuế TNDN phải nộp. Tổng số tiền trên 03 hóa đơn bán hàng trên không đủ điều kiện tính vào chi phí được trừ để xác định thuế TNDN năm 2019 là 148.500.000 đồng. Số tiền thuế TNDN phải nộp tăng thêm là 29.700.000 đồng.

- Công ty TNHH MTV Phương L đã sử dụng 02 hóa đơn bán hàng không có hàng hóa, dịch vụ thực tế kèm theo của hộ kinh doanh Nguyễn Thị H kê khai vào chi phí hợp lý để xác định thu nhập tính thuế TNDN phải nộp năm 2020 nhằm làm giảm số thuế TNDN phải nộp. Tổng số tiền trên 02 hóa đơn bán hàng trên không đủ điều kiện tính vào chi phí được trừ để xác định thuế TNDN năm 2020 là 199.500.000 đồng. Số thuế TNDN phải nộp tăng thêm là 39.900.000 đồng."

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Nguyễn Thị H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố là thống nhất với nhau và phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT – VKSTPBK, ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội "*Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước*" theo khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ

đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".

Tại phiên toà:

* Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

-Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "*Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước*".

- Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm b, i, s, v khoản 1, Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị H từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 29.591.537 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B để thi hành án cho bị cáo.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo Nguyễn Thị H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Bị cáo chỉ xin HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức phạt tiền thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng ông Lê Văn Ng, ông Khuất Thanh L, bà Hoàng Thị Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời đã có lời khai trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của bị cáo, những người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ khác và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

* Lời khai của những người làm chứng có mặt tại phiên tòa và lời khai có trong hồ sơ vụ án của những người vắng mặt là phù hợp với lời khai của bị cáo, các tài liệu, chứng cứ khác và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do vậy có căn cứ xác định:

Từ năm 2016 đến năm 2020, Nguyễn Thị H - Đại diện Hộ kinh doanh Nguyễn Thị H, MST: 4700150304; địa chỉ: Tổ 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (nay là Tổ 8A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn) có hành vi bán trái phép tổng số 24 (hai mươi tư) hóa đơn bán hàng (mẫu số: 02GTTT3/003) đã ghi nội dung cho Lê Văn Ng, Công ty TNHH Hoàng Ph, Công ty Cổ phần Thành H và Công ty TNHH MTV Phương L với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 1.823.606.288 đồng (một tỷ tám trăm hai mươi ba triệu sáu trăm linh sáu nghìn hai trăm tám mươi tám đồng). Trong đó, tổng số tiền thanh toán thực tế đối với 24 (hai mươi tư) hóa đơn là 1.823.606.288 đồng (một tỷ tám trăm hai mươi ba triệu sáu trăm linh sáu nghìn hai trăm tám mươi tám đồng). Tổng số tiền Nguyễn Thị H đã trả lại cho các cá nhân, đơn vị mua hóa đơn là 1.692.543.848 đồng (một tỷ sáu trăm chín mươi hai triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng). Tổng số tiền Nguyễn Thị H đã thu của các cá nhân, đơn vị mua 24 (hai mươi tư) hóa đơn là 131.062.440 đồng (một trăm ba mươi mốt triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi đồng). Tổng số tiền thuế hộ kinh doanh Nguyễn Thị H đã nộp tại Bộ phận thu thuế phường Đ - Đội quản lý thuế liên xã phường thành phố B thuộc Chi cục thuế Bắc Kạn - Bạch Thông - Chợ Mới là 63.955.147 đồng (sáu mươi ba triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng). Tổng tiền thu lợi bất chính từ việc bán trái phép 24 (hai mươi tư) hóa đơn bán hàng là 67.107.293 đồng (Sáu mươi bảy triệu một trăm linh bảy nghìn hai trăm chín mươi ba đồng), trong đó:

Đối với hành vi bán trái phép 10 hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung, gồm: số 0085748 (ngày 08/7/2016); số 0041035 (ngày 16/01/2017); số 0041038 (ngày 23/01/2017); số 0014397 (ngày 29/10/2017); số 0012240 ngày 18/11/2016; số 0014355 ngày 19/06/2017; số 0014369 ngày 07/07/2017; số 0014370 ngày 07/07/2017; số 0014393 ngày 11/10/2017; số 0014394 ngày 12/10/2017 của Nguyễn Thị H cho Lê Văn Ng và Công ty TNHH Hoàng Ph, thu lợi bất chính tổng số tiền 37.515.756 đồng tính đến ngày khởi tố vụ án (06/12/2022) đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên không xem xét, xử lý về hình sự.

Đối với hành vi bán trái phép tổng cộng 14 (mười bốn) hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung, gồm: số 0088090 ngày 19/12/2017; số 0088091 ngày 23/12/2017; số 0088089 ngày 22/3/2018; số 0081368 ngày 12/12/2017; số 0081369 ngày 12/12/2017; số 0081370 ngày 13/12/2017; số 0081383 ngày 25/12/2017; số 0081384 ngày 25/12/2017; số 0081400 ngày 26/12/2017; số 0068041 ngày 2/5/2019; số 0068042 ngày 4/5/2019; số 0015403 ngày 3/6/2019; số 0014874 ngày 25/5/2020; số 0014876 ngày 25/5/2020 của Nguyễn Thị H cho Lê Văn Ng, Công ty TNHH Hoàng Ph, Công ty Cổ phần Thành H, Công ty TNHH MTV Phương L để thu lợi bất chính tổng số tiền 29.591.537 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước*" quy định tại khoản 1, Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Nguyễn Thị H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vì vụ lợi cá nhân mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi bán trái phép 14 (mười bốn) hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung của bị cáo đã phạm vào tội "*Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước*" theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ của Nhà nước, xâm phạm đến hoạt động quản lý, thu chi ngân sách Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý kinh tế, an ninh trật tự tại địa phương nên cần xử lý theo pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân; Năm 2020, bị cáo được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn tặng Bằng khen do đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện pháp luật về thuế trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2019 theo Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 20/02/2020. Ngoài ra, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn để khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả", "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng", "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" và "Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác" theo quy định tại các điểm b, i, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đủ khả năng tự cải tạo, sau khi phạm tội bị cáo đã có ý thức khắc phục hậu quả bằng cách nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính cho Nhà nước. Do đó không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tiền cũng đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục đối với bị cáo đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội tự sửa chữa sai phạm của mình, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật song vẫn đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với các hóa đơn: số 0014397 ngày 29/10/2017; số 0041038 ngày 23/01/2017; số 0041035 ngày 16/01/2017; số 0088091 ngày 23/12/2017; số 0088090 ngày 19/12/2017; số 0088089 ngày 22/3/2018; số 0085748 ngày 08/7/2016; số 0012240 ngày 18/11/2016; số 0081383 ngày 25/12/2017; số 0081384 ngày 25/12/2017; số 0081400 ngày 26/12/2017; số 0081368 ngày 12/12/2017; số 0081369 ngày 12/12/2017; số 0081370 ngày 13/12/2017; số 0014370 ngày 07/07/2017; số 0014393 ngày 11/10/2017; số 0014394 ngày 12/10/2017; số 0014355 ngày 19/06/2017; số 0014369 ngày 07/07/2017; số 0068042 ngày 4/5/2019; số 0068041 ngày 2/5/2019; số 0015403 ngày 3/6/2019; số 0014874 ngày 25/5/2020; số 0014876 ngày 25/5/2020 và các Hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT ngày 23/6/2017; số 08/HĐKT ngày 29/6/2017; số 01/HĐKT ngày 01/6/2017; số 03/HĐKT ngày 22/6/2017; số 64/HĐKT ngày 19/12/2017; số 63/HĐKT ngày 19/12/2017; số 55/HĐKT ngày 09/11/2017; số 28/HĐKT ngày 03/9/2017; số 15/HĐKT ngày 01/7/2017; số 51/HĐKT ngày 14/10/2017; số 04/HĐKT ngày 22/6/2017; số 42/HĐKT ngày 07/9/2016; số 20/HĐKT ngày 27/3/2019; số 19/HĐKT ngày 27/3/2019; số 24/HĐKT ngày 25/4/2019; số 03/HĐKT ngày 27/3/2020; số 29.02/HĐKT ngày 29/02/2020; số 15/HĐKT ngày 01/7/2017; số 12/HĐKT ngày 14/11/2017; số 31/HĐKT ngày 07/6/2016; số 17/HĐKT ngày 03/12/2016; số 18/HĐKT ngày 06/12/2016; số 13/HĐKT ngày 08/7/2017; số 16/HĐKT ngày 16/11/2017; số 15/HĐKT ngày 09/7/2017, đều là vật chứng của vụ án hiện đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 29.591.537 đồng (Hai mươi chín triệu, năm trăm chín mươi mốt nghìn, năm trăm ba mươi bảy đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Tạm giữ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B để thi hành án cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Đối với 24 (hai mươi tư) hóa đơn bán hàng của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị H đã bán cho Lê Văn Ng, Công ty TNHH Hoàng Ph, Công ty Cổ phần Thành H,

Công ty TNHH MTV Phương L thì Nguyễn Thị H đã tiến hành tự kê khai và nộp thuế vì vậy không có dấu hiệu của tội trốn thuế.

Quá trình điều tra xác định: Công ty TNHH Hoàng Ph, Công ty Cổ phần Thành H, Công ty TNHH MTV Phương L mua hóa đơn đã ghi nội dung của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị H nhưng không có hàng hóa, dịch vụ thực tế để hợp thức hóa chi phí nhân công của công ty, tính vào chi phí hợp lý để xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và kê khai vào chi phí hợp lý để xác định thu nhập tính thuế TNDN nhằm mục đích trốn thuế TNDN. Cụ thể: Năm 2016, 2017, Công ty TNHH Hoàng Ph đã trốn thuế TNDN, số tiền trốn thuế là 136.400.000 đồng; Năm 2019, Công ty Cổ phần Thành H đã trốn thuế TNDN, số tiền trốn thuế là 29.700.000 đồng; Năm 2020, Công ty TNHH MTV Phương L đã trốn thuế TNDN, số tiền trốn thuế là 39.900.000 đồng. Tính đến thời điểm hiện tại đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Trốn thuế" đối với Công ty TNHH Hoàng Ph. Đối với hành vi "Trốn thuế" của Công ty TNHH Hoàng Ph, Công ty Cổ phần Thành H và Công ty TNHH MTV Phương L, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã có các Công văn số 164, 165, 166/ CSĐT, ngày 07/4/2023 đề nghị các Cơ quan thuế xem xét xử lý theo thẩm quyền.

Đối với Lê Văn Ng là người trung gian giúp UBND các Xã Qu, Xã Ng, xã C thuộc huyện B, tỉnh Bắc Kạn mua 07 (bảy) hóa đơn bán hàng (liên 2) đã ghi nội dung của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị H để thanh quyết toán tiền mua nguyên vật liệu thi công một số công trình được thi công thực tế trên địa bàn Xã Qu, Xã Ng, xã C, huyện B. Ngoài ra, Lê Văn Ng còn trực tiếp mua 12 (mười hai) hóa đơn bán hàng (liên 2) đã ghi nội dung của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị H để thanh quyết toán tiền thuê nhân công thi công một số công trình của Công ty TNHH Hoàng Ph do Ng làm Giám đốc. Như vậy, từ năm 2016 đến năm 2018, Lê Văn Ng đã mua với Nguyễn Thị H tổng cộng 19 (mười chín) hóa đơn bán hàng (liên 2) đã ghi nội dung. Tuy nhiên, tính đến ngày khởi tố vụ án (06/12/2022) thì có 10 (mười) hóa đơn mua bán trước tháng 12/2017 đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, còn 09 (chín) hóa đơn mua bán từ tháng 12/2017 đến nay thì không đủ số lượng 10 (mười) hóa đơn đã ghi nội dung, đồng thời không có căn cứ xác định Lê Văn Ng có thu lợi bất chính từ việc mua các hóa đơn này với Nguyễn Thị H hay không và số tiền thu lợi bất chính là bao nhiêu. Do đó, hành vi nêu trên của Lê Văn Ng chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước" theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Đối với ông Khuất Thanh L – Giám đốc Công ty Cổ phần Thành H và bà Hoàng Thị Th – Giám đốc Công ty TNHH MTV Phương L đã có hành vi mua hóa đơn bán hàng (liên 2) đã ghi nội dung của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị H để thanh quyết toán tiền thuê nhân công thi công một số công trình của Công ty Cổ phần Thành H và Công ty TNHH MTV Phương L. Tuy nhiên, số lượng hóa đơn đã ghi nội dung mà ông L, bà Th đã mua với Nguyễn Thị H đều dưới 10 (mười) hóa đơn, đồng thời không có căn cứ xác định ông L, bà Th có thu lợi bất chính từ việc mua các hóa đơn này với Nguyễn Thị H hay không và số tiền thu lợi bất chính là bao nhiêu. Do đó, hành vi nêu trên của Khuất Thanh L và Hoàng Thị Th chưa đủ yếu tố

cấu thành tội "Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước" theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Đối với các Ban phát triển thôn và UBND các Xã Qu, Xã Ng, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã sử dụng hóa đơn mua nguyên vật liệu của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị H trong hồ sơ thanh quyết toán các công trình thi công thực tế trên địa bàn. Tuy nhiên, đại diện các Ban phát triển thôn, cán bộ của UBND xã không giao dịch mua bán trực tiếp hàng hóa, không trực tiếp mua hóa đơn với Hộ kinh doanh Nguyễn Thị H mà thông qua Lê Văn Ng, người được giới thiệu hỗ trợ các Ban phát triển thôn trong quá trình xây dựng, cung cấp nguyên vật liệu và làm thủ tục quyết toán. Lê Văn Ng tự mua nguyên vật liệu với các cá nhân, cơ sở kinh doanh tại địa phương nơi có công trình nhưng không có hóa đơn mua nguyên vật liệu xây dựng. Để hợp thức hóa đối với số nguyên vật liệu đã mua để thi công công trình thì Lê Văn Ng đã mua hóa đơn với Hộ kinh doanh Nguyễn Thị H rồi đưa cho đại diện Ban phát triển thôn ký để cho vào hồ sơ quyết toán. Như vậy, không đủ cơ sở để kết luận UBND Xã Qu, Xã Ng, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và đại diện Ban phát triển các thôn mua trái phép hóa đơn với hộ kinh doanh Nguyễn Thị H. UBND Xã Qu, Xã Ng, xã C đã có hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn, hành vi này thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan thuế. Tuy nhiên, căn cứ Điều 1 Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi bổ sung một số điều tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ thì *"Cơ quan nhà nước thực hiện hành vi vi phạm thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao, thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan"*. Tuy nhiên, trong các hồ sơ quyết toán công trình của UBND Xã Qu, Xã Ng, xã C có sử dụng hóa đơn khống (hóa đơn không có hàng hóa thực tế kèm theo). Căn cứ kết quả làm việc tại Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn xác định: Theo hướng dẫn thanh toán, quyết toán nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn thể hiện hồ sơ đề nghị quyết toán Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù thì đối với các hồ sơ quyết toán các công trình không quy định phải có hóa đơn giá trị gia tăng hay hóa đơn bán hàng nhưng đầy đủ thành phần hồ sơ do chủ đầu tư trình đối với dự án đầu tư công trình hoàn thành, hạng mục công trình hoàn thành thì vẫn phù hợp với các quy định và văn bản hướng dẫn về thực hiện vốn chương trình mục tiêu quốc gia. Đối với hồ sơ quyết toán có hóa đơn giá trị gia tăng hay hóa đơn bán hàng thì không trái quy định. Các quy định về hồ sơ quyết toán các công trình sử dụng nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là theo quy định chung về quyết toán dự án hoàn thành; hóa đơn giá trị gia tăng hay hóa đơn bán hàng không thuộc thành phần trong hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị H** phạm tội "*Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước*".

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm b, i, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị H 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 29.591.537 đồng (Hai mươi chín triệu, năm trăm chín mươi mốt nghìn, năm trăm ba mươi bảy đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Tạm giữ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) bị cáo Huệ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu tiền số 0002157, ngày 22/5/2023 để thi hành án cho bị cáo.

3.Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSNDTP Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Công an TP B;
- THADS TP B;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu